

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 07/2020/HS-ST
Ngày 17-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Vũ

Ông Huỳnh Thanh Vũ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương-
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Mạc Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2020/TLHS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích P sinh năm 1984; Nơi sinh: TA, CĐ, Cần Thơ; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, thành phố CĐ, tỉnh AG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo Hòa hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị Ngọc D; có 03 em ruột lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1993; chồng Lê Văn N (đã ly hôn); có 02 con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị S sinh năm 1977 và anh Lư Ngọc C sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp TL 2, xã A, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1959. Nơi cư trú: KV 1, phường N, quận TN, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

Anh Vương Hải Đ, sinh năm 1976. Nơi cư trú: KV T1, phường N, quận TN, thành phố Cần Thơ “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo có quen biết với chị Nguyễn Thị Sáu làm nghề mua bán gạo từ trước. Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị S bằng cách mua gạo của chị S rồi đem bán lại cho người khác với giá rẻ hơn để lấy tiền. Ngày 11/9/2019 bị cáo điện thoại cho bà Huỳnh Thị Tuyết M cửa hàng mua bán gạo tại chợ TN, quận TN, thành phố Cần Thơ. Bị cáo hỏi giá gạo Jasmine được bà M cho giá mua là 10.000đồng/kg. Khoảng 18 giờ ngày 12/9/2019 bị cáo đến nhà chị S nói dối là mua gạo dùm bà M với số lượng là 1.150 kg, loại gạo Jasmine. Bị cáo hẹn chị S tối lấy tiền được sẽ trả, không thì sáng hôm sau trả. Chị S đồng ý bán cho bị cáo 1.150kg, giá 11.800 đồng/kg, tổng cộng tiền bán gạo là 13.570.000 đồng. Sau đó, bị cáo thuê xe của anh Vương Hải Đ chở gạo đến cửa hàng của bà M bán lại với giá 11.500.000đồng/kg, số tiền bị cáo bán được là 11.500.000 đồng. Bị cáo lấy số tiền trên trốn lên Thành phố Hồ Chí Minh tiêu xài cá nhân. Sau nhiều lần không liên lạc với bị cáo nên chị S trình báo Công an.

Ngày 13/9/2019 bà Huỳnh Thị Tuyết M giao nộp 23 bao gạo, loại gạo Jasmine, tổng trọng lượng là 1.150 kg.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL.HĐ-ĐG ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện CĐ kết luận: loại gạo Jasmine trị giá 10.900 đ/kg x 1.150kg, trị giá 12.535.000 đồng.

Quá trình điều tra: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ trả lại số gạo trên cho chị Nguyễn Thị S.

Ông Nguyễn Văn Bé N cha ruột của bị cáo trả lại cho bà Huỳnh Thị Tuyết M số tiền 11.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSCĐ ngày 20/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 65; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích P từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải nộp từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Qua đối chiếu quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nhận thấy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo thông nhất nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo và khai nhận: Do bị cáo có quen biết với chị Nguyễn Thị S làm nghề kinh doanh lúa gạo. Bản thân bị cáo cần tiền để tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý mua gạo của chị S rồi đem bán lại để chiếm đoạt tiền của chị S. Để thực hiện ý định chiếm đoạt ngày 11/9/2019 bị cáo điện thoại cho bà Huỳnh Thị Tuyết M cửa hàng mua bán gạo tại chợ TN, quận TN, thành phố Cần Thơ để hỏi giá gạo Jasmine được bà M cho giá mua là 10.000 đồng/kg. Khoảng 18 giờ ngày 12/9/2019 bị cáo đến nhà chị S nói dối là mua gạo dùm bà di số lượng mua là 1.150kg, loại gạo Jasmine và hẹn tối lấy tiền được sẽ trả, không thì sáng hôm sau trả. Chị S đồng ý bán cho bị cáo 1.150kg, giá 11.800 đồng/kg, tổng cộng tiền bán gạo là 13.570.000 đồng. Sau đó, bị cáo thuê xe của anh Vương Hải Đ chở đến cửa hàng của bà M bán lại số gạo trên với giá 11.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền gạo từ bà M bị cáo chiếm đoạt lấy tiền lên Thành phố Hồ Chí Minh tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với những chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa.

Xét thấy, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật. Theo kết luận định giá tài sản số tiền bị cáo chiếm đoạt là 12.535.000 đồng. Hành vi phạm tội mà bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo thực hiện.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, bị cáo phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 174 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm là tội ít nghiêm trọng. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về hình phạt bổ sung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo nộp từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, một mình nuôi hai con nhỏ nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bích P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích P 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/4/2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố CĐ, tỉnh AG giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp trong quá trình chấp hành án người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong

4. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện CĐ;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện CĐ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện CĐ;
- Chi cục THADS sự huyện CĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Viễn